

BIỂU CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Diện tích xây dựng trường 4.652,68m²

Diện tích trường chính: 2.152m²

- Diện tích trường lẻ: 2.500,68 m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 16,7m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
16,7m ² /trẻ	12m ² /trẻ	Đạt

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	15 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Phòng Phó Hiệu trưởng 2	15 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Văn phòng trường	36m ² đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định	Đạt

		định hiện hành	hiện hành	
5	Phòng cho nhân viên	16m ²	16m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	Không Đạt
6	Phòng bảo vệ	16m ²	6m ² , đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	Đạt
7	Khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	12,4m ²	9m ² /khu	Đạt
8	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	12m ²	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em			
	Khu sinh hoạt chung	462m ² =1,8m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt
	Khu ngủ	1,8m ² /trẻ	1,5m ²	Đạt
	Diện tích sân chơi (m ²)	0,5m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	0	0,40m ² /trẻ	Không Đạt
	Kho nhóm, lớp	6m ²	6m ²	Đạt
2	Phòng GDTC, phòng GDNT	36m ²	2m ² /trẻ	Đạt
3	Sân chơi riêng	445m ² =1,7m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	60m ² =0,23m ² /trẻ	0,3m ² /trẻ	Không Đạt
	Kho thực phẩm	13m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phụ trợ			
	Phòng y tế	15m ²		Đạt

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình Quân
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	4	

	còn thiếu so với quy định		
--	---------------------------	--	--

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục khác.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình Quân
I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5 bộ	5/14 sân chơi
II	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...	04	4/14 lớp
1	Ti vi	0	0/14 lớp
2	Máy chiếu	4	4/14 lớp
3	Loa	3	3/14 điểm trường
III	Tổng số thiết bị phục vụ GD khác...		
1	Máy tính	1	
2	Máy in	1	
3	Máy phô tô	0	
4	Ghế	304	
5	Bàn	152	